

**ĐỀ THI THỬ TRỰC TUYẾN**

(Đề thi có 4 trang)

THI THỬ TN THPT - NĂM HỌC 2026–2027**MÔN: HÓA HỌC - THPT**Thời gian làm bài: **50 phút**, không kể thời gian phát đề

Phát hành ngày 01/09/2026

Họ và tên:

Số báo danh:

Mã đề: H.TN.027**PHẦN I. TRẮC NGHIỆM**

Câu 1. Đun nóng 12 mol C_2H_5Cl với dung dịch $NaOH$ trong nước, hiệu suất đạt 50%. Khối lượng ethanol thu được là

- A. 276 g B. 6 g C. 46 g D. 552 g

Câu 2. Trong phương pháp Solvay, phản ứng nào ứng với bước kết tủa sodium hydrogencarbonate từ nước muối bão hoà?

- A. $CaCO_3 \xrightarrow{t^\circ} CaO + CO_2 \uparrow$ B. $NH_4HCO_3 + NaCl \rightarrow NaHCO_3 \downarrow + NH_4Cl$
C. $2NaHCO_3 \xrightarrow{t^\circ} Na_2CO_3 + CO_2 \uparrow + H_2O$ D. $NH_3 + CO_2 + H_2O \rightarrow NH_4HCO_3$

Câu 3. Pin $(-) Zn | Zn^{2+} || Pb^{2+} | Pb (+)$ hoạt động và trao đổi 0,4 mol electron. Khối lượng điện cực Pb ($M = 207$) tăng thêm

- A. 82,8 g B. 0,4 g C. 13 g D. 41,4 g

Câu 4. Hợp chất nào sau đây được dùng để làm chất chỉ thị độ ẩm trong bình hút ẩm?

- A. $CoCl_2$ B. $K_2Cr_2O_7$ C. K_2CrO_4 D. Cr_2O_3

Câu 5. Điểm giống nhau giữa pin điện hoá và bình điện phân là

- A. cả hai đều biến điện năng thành hoá năng B. anode luôn mang dấu âm ở cả hai thiết bị
C. anode luôn là nơi oxi hoá, cathode luôn là nơi khử D. cả hai đều cần cầu muối

Câu 6. Trong phản ứng $Zn + 2H^+ \rightarrow Zn^{2+} + H_2$, tổng số electron trao đổi theo phương trình là

- A. 4 B. 1 C. 3 D. 2

Câu 7. Lấy 10 mol acetaldehyde làm thí nghiệm tráng bạc, hiệu suất đạt 40%. Khối lượng bạc thu được là

- A. 2160 g B. 432 g C. 8 g D. 864 g

Câu 8. Cách “dùng dung dịch Na_2CO_3 ” có tác dụng đến đâu?

- A. Chỉ làm mất được tính cứng tạm thời
B. Làm mất được cả tính cứng tạm thời và tính cứng vĩnh cửu
C. Không làm mềm được nước cứng
D. Chỉ làm mất được tính cứng vĩnh cửu

Câu 9. Trong điện phân nhôm oxide nóng chảy, điện cực than chì bị hao mòn dần vì

- A. criolite ăn mòn điện cực
- B. dòng điện làm nóng chảy than chì
- C. khí O_2 sinh ra ở anode đốt cháy carbon của điện cực
- D. nhôm nóng chảy hoà tan carbon

Câu 10. Quá trình lên men lactic cho sản phẩm chính là

- A. Ethanol và khí carbon dioxide
- B. Glucose và fructose
- C. Lactic acid
- D. Acetic acid

Câu 11. Hai acid béo thiết yếu đối với cơ thể người là

- A. linoleic acid và α -linolenic acid
- B. EPA và DHA
- C. oleic acid và stearic acid
- D. palmitic acid và arachidonic acid

Câu 12. Ester $HCOOCH_3$ có tên gọi là

- A. ethyl formate
- B. methyl formate
- C. methyl acetate
- D. ethyl acetate

Câu 13. Thuỷ phân hoàn toàn 16,2 g tinh bột (mắt xích $M = 162$) thì thu được bao nhiêu gam glucose ($M = 180$)?

- A. 14,6 g
- B. 34,2 g
- C. 18 g
- D. 16,2 g

Câu 14. Vì sao $NaHCO_3$ được dùng làm bột nở trong bánh?

- A. vì nó tan nhiều trong nước
- B. vì nó làm bánh có màu vàng đẹp
- C. vì khi nướng nó phân huỷ sinh khí CO_2 làm bánh xốp
- D. vì nó có vị ngọt

Câu 15. Kim loại Al không tan trong HNO_3 đặc nguội vì

- A. bị thụ động hoá, lớp oxide bền tạo ra ngăn phản ứng tiếp diễn
- B. nó không phản ứng với acid trong bất kì điều kiện nào
- C. HNO_3 đặc nguội là acid yếu nên không phản ứng
- D. nó đứng sau hydrogen trong dãy hoạt động hoá học

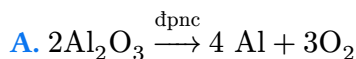
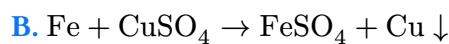
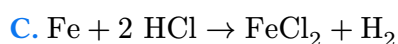
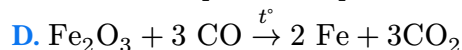
Câu 16. Người ta mạ vàng lên bề mặt vật nhằm mục đích

- A. Chống gỉ cho thép
- B. Làm lớp nền dẫn điện tốt cho các lớp mạ khác
- C. Chống ăn mòn và tăng độ bóng cho bề mặt
- D. Làm đồ trang sức và tiếp điểm trong thiết bị điện tử

Câu 17. Những kim loại tan được trong nước ở nhiệt độ thường là

- A. Mg, Al, Zn, Fe
- B. mọi kim loại đều tan trong nước
- C. Cu, Ag, Au
- D. K, Ba, Ca, Na

Câu 18. Phản ứng nào tiêu biểu cho phương pháp thuỷ luyện?



PHẦN II. ĐÚNG/SAI

Câu 19. Cho 65, 1 g aniline ($M = 93$) tác dụng với nước bromine dư, phản ứng hoàn toàn; đồng thời nhỏ nước bromine vào toluene.

- a) Nhỏ nước bromine vào toluene thì xuất hiện kết tủa trắng.
- b) Chất toluene không phản ứng với nước bromine ở nhiệt độ thường.
- c) Số mol Br_2 đã phản ứng với aniline bằng 0, 7 mol.
- d) Nhóm $-\text{NH}_2$ định hướng phản ứng thế vào các vị trí ortho và para.

Câu 20. Một mẫu composite nặng 80 kg có cốt chiếm 25% khối lượng; một chi tiết khác thể tích 8 dm^3 được làm bằng thép ($D = 7, 8\text{ kg/dm}^3$) hoặc composite ($D = 1, 6\text{ kg/dm}^3$).

- a) Vật liệu composite luôn gồm vật liệu nền và vật liệu cốt.
- b) Trong chất dẻo, chất hoá dẻo có vai trò quyết định tính chất cơ bản của chất dẻo.
- c) Tính dẻo của chất dẻo nghĩa là vật liệu giữ nguyên biến dạng sau khi thôi tác dụng lực.
- d) Nhược điểm lớn nhất của chất dẻo với môi trường là khó phân huỷ trong tự nhiên.

Câu 21. Một chai dịch truyền glucose 5% thể tích 200 mL (khối lượng riêng 1 g/mL); một người có 5, 5 lít máu với nồng độ glucose 0, 12%.

- a) Chất có nhiều trong cây mía và củ cải đường là glucose.
- b) Khối lượng glucose trong chai dịch truyền bằng 10 g.
- c) Lấy saccharose làm mốc 100 thì độ ngọt của saccharose bằng 100.
- d) Trong các loại đường thường gặp, chất ngọt nhất là fructose.

Câu 22. Thuỷ phân 16, 2 g tinh bột (mắt xích $M = 162$) với hiệu suất 50% rồi lên men toàn bộ glucose thành ethanol; đồng thời làm thí nghiệm để người dung dịch vừa đun nóng.

- a) Chặng “tinh bột thành dextrin rồi thành maltose” do enzyme amylase đảm nhiệm.
- b) Hồ tinh bột gặp dung dịch iodine cho màu xanh tím là do iodine phản ứng hoá học với nhóm $-\text{OH}$ của tinh bột.
- c) Khối lượng ethanol thu được bằng 2, 3 g.
- d) Khi tính lượng glucose từ tinh bột, khối lượng mol dùng cho tinh bột là 162 trên mỗi mắt xích.

PHẦN III. TRẢ LỜI NGẮN

Câu 23. Muốn thu được 21, 6 g bạc ($M = 108$) khi cho glucose ($M = 180$) phản ứng hết với thuốc thử Tollens thì cần bao nhiêu gam glucose?

Câu 24. Hoà tan hết 2, 7 gam nhôm (Al) bằng dung dịch HCl loãng. Tính số mol HCl đã phản ứng.

Câu 25. Phân tử phenylalanine có bao nhiêu nhóm $-\text{COOH}$?

Câu 26. Tính phần trăm khối lượng sodium trong NaCl.

Câu 27. Ở dạng mạch hở, phân tử galactose ($\text{CH}_2\text{OH}[\text{CHOH}]_4\text{CHO}$) có bao nhiêu nguyên tử carbon bất đối?

Câu 28. Tính số mol tripalmitin ($M = 806$) có trong 403 g chất ấy.